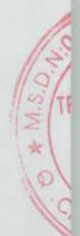


CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARTIME BANK

**BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ TÀI CHÍNH TỪ NGÀY
01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/06/2012**



MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 22

1013
CÔ
ÁCH M
KIẾ
PKF
TƯ G

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/ GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép là 300.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1 và Tầng 3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Thành phần Hội đồng quản trị

Ông Phạm Văn Cư	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 19/05/2012
Ông Lê Đình Ngọc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 19/05/2012
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2012
Ông Nguyễn Ngọc Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2012
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2012
Ông Nguyễn Thanh Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2012

Thành phần Ban kiểm soát

Bà Lê Thanh Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 19/05/2012
Bà Trần Thị Hào	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/05/2012
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2012
Bà Nguyễn Thị Thuận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/05/2012
Bà Trần Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2012
Bà Bùi Thị Bích Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/05/2012

Thành phần Ban Giám đốc và kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Minh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/05/2012
Ông Trần Quý Hải	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/05/2012
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Kế toán trưởng	

Các hoạt động chính của công ty

Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012, hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán. Ngoài ra trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 22.

Trong đó, kết quả kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

- Doanh thu
- Lãi sau thuế

(Đơn vị tính: VNĐ)
83.937.229.504 đồng
7.855.644.128 đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu trong các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc



TRẦN QUÝ HẢI

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tài chính cho giữa niên độ kết thúc vào ngày 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank (gọi tắt là "Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank, được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty Chứng khoán và các qui định hiện hành về tài chính kế toán.

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam



MAI LAN PHƯƠNG
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0077/KTV

PHẠM TIẾN HÙNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0752/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.123.746.103.060	1.137.179.891.423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	39.972.257.568	29.590.779.129
1. Tiền	111		39.972.257.568	29.565.443.997
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	25.335.132
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	124.536.688.573	663.344.866.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		124.536.688.573	668.478.480.549
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(5.133.614.549)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.12	957.794.195.996	442.527.208.843
1. Phải thu khách hàng	131		45.254.000	80.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		53.365.000	79.310.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		401.953.254	274.064.146.021
5. Các khoản phải thu khác	135		957.293.623.742	168.303.752.822
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.442.960.923	1.717.037.451
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		364.909.551	157.904.410
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	37.336.150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		755.248.362	1.420.745.286
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		322.803.010	101.051.605
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180.855.258.747	288.800.076.827
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.952.797.646	6.009.522.580
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	2.857.391.507	3.738.696.945
- Nguyên giá	222		8.581.140.323	8.508.750.323
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.723.748.816)	(4.770.053.378)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	2.095.406.139	2.270.825.635
- Nguyên giá	228		3.173.268.553	3.015.268.553
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.077.862.414)	(744.442.918)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	174.797.986.149	281.150.545.971
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	252		172.562.986.149	278.915.545.971
4. Đầu tư dài hạn khác	258		2.235.000.000	2.235.000.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.104.474.952	1.640.008.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	719.971.421	1.292.747.202
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.07	339.503.531	302.261.074
3. Tài sản dài hạn khác	268		45.000.000	45.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.304.601.361.807	1.425.979.968.250

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		973.763.088.197	1.102.583.598.768
I. Nợ ngắn hạn	310		503.763.088.197	632.583.598.768
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	IV.6	424.396.450.000	559.915.000.000
2. Phải trả người bán	312		93.171.629	155.648.549
3. Người mua trả tiền trước	313		130.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	236.924.460	166.075.804
5. Phải trả người lao động	315		-	25.076.880
6. Chi phí phải trả	316	V.09	44.731.200.934	58.154.190.555
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	164.449.249	1.201.530.658
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.11	28.204.878.175	12.966.076.322
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi chứng khoán	321		75.735.250	-
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		5.442.000.000	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	328		288.278.500	-
II. Nợ dài hạn	330		470.000.000.000	470.000.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	IV.6	470.000.000.000	470.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		330.838.273.610	323.396.369.482
I. Vốn chủ sở hữu	410		330.838.273.610	323.396.369.482
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		62.560.000	62.650.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.130.740.000	62.650.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.644.973.610	23.271.069.482
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.304.601.361.807	1.425.979.968.250

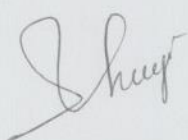
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	255.025.600.000
6. Chứng khoán lưu lý			
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch		2.460.344.400.000	1.133.676.840.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		71.969.060.000	9.714.800.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.388.375.340.000	1.123.962.040.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		46.560.000	46.560.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		46.560.000	46.560.000
6.3. Chứng khoán cầm cố		-	-
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		1.183.400.000	-
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		1.183.400.000	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		109.260.000	-
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		109.260.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
Trong đó:		-	-
7.1. Chứng khoán giao dịch		-	-
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty chứng khoán		-	-

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Trần Quý Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu	01		83.937.229.504	33.979.851.616
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.504.312.893	131.080.856
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		7.298.162.261	17.981.175.008
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	750.000.000
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		292.837.681	1.171.235.138
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		312.464.232	-
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	26.240.500
- Doanh thu khác	01.9		72.529.452.437	13.920.120.114
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		83.937.229.504	33.979.851.616
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		72.525.071.170	18.902.448.391
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		11.412.158.334	15.077.403.225
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.896.265.175	1.348.816.357
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.515.893.159	13.728.586.868
8. Thu nhập khác	31		5.248.284	749.622
9. Chi phí khác	32		391	-
10. Lợi nhuận khác	40		5.247.893	749.622
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.521.141.052	13.729.336.490
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.13	665.496.925	126.170.016
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		7.855.644.128	13.603.166.474
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.14	262	453

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Huyền

Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Trần Quý Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo Phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		2.465.572.304	4.998.081.787
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(9.457.068.313)	(2.310.214.839)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(9.102.839)	(82.325.853)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		1.722.159.472.554	24.648.844.153
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(1.590.579.489.353)	(22.704.023.532)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08		5.442.000.000	6.258.000.000
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09		(164.130.400.000)	(9.445.914.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(230.073.245.920)	(12.441.267.060)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(3.582.301.850)	(2.269.879.318)
10. Tiền chi trả lãi vay	12		(73.697.900.694)	(33.000.000)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13		-	(522.000.000)
12. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14		1.096.540.922.976	1.650.890.508.482
13. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15		(629.503.306.500)	(1.693.430.277.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		125.575.152.365	(56.443.467.917)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các tài sản dài hạn	21		(157.990.000)	(239.251.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45.000.000.000,00)	(792.690.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn	24		45.000.000.000,00	791.945.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(49.218.371.850,00)	(78.310.766.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		62.645.362.000,00	13.544.436.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.055.875.924	702.466.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		20.324.876.074	(65.048.114.010)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		94.396.450.000	79.915.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(229.915.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(135.518.550.000)	79.915.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.381.478.439	(41.576.581.927)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		29.590.779.129	93.312.658.134
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		39.972.257.568	51.736.076.207

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Trần Quý Hải

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ	Số tăng, giảm		Số dư cuối năm
			Tăng	Giảm	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VII.15	300.000.000.000	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		62.650.000	-	-	62.650.000
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		62.650.000	2.068.000.000	-	2.130.650.000
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		23.271.069.482	7.855.644.128	2.481.740.000	28.644.973.610

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Trần Quý Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank được thành lập theo Quyết định số 77/UBCK-GPHĐKD ngày 11/06/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi lúc thành lập là Công ty Cổ phần Chứng khoán Standard. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép số 371/UBCK-GP ngày 22/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, Giấy phép số 381/UBCK-GP ngày 31/12/2010 về việc tăng vốn điều lệ, Giấy phép số 09/GPĐC-UBCK ngày 27/01/2011 về việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, Giấy phép số 25/ GPĐC-UBCK ngày 08/04/2011 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép là 300.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1 và Tầng 3, Tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 30/06/2012, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 46 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ được Công ty sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán, thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, thông tư số 162/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài sửa đổi bổ sung thông tư số 95/2008/TT-BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Nguyên tắc lập Báo cáo tài chính: nguyên tắc giá gốc.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã được biết về hai mươi sáu (26) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được Bộ Tài chính ban hành như sau:

- Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3). Hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực này đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.
- Quyết định 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 ban hành và công bố sáu (6) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

- Quyết định 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 ban hành và công bố bốn (4) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5). Hướng dẫn chi tiết thi hành quyết định này cũng đã được Bộ Tài chính ban hành qua Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra nhưng không trọng yếu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn nhỏ hơn 90 ngày.

3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng phù hợp với quy định tại Quyết định 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Máy móc thiết bị	04 - 08
Thiết bị quản lý	03 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: Ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp xác định giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra: Bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

- Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được trích lập cho từng loại chứng khoán tự doanh đã niêm yết có giá khớp lệnh tại thời điểm kết thúc phiên giao dịch ngày 29 tháng 06 năm 2012 thấp hơn so với giá trên sổ kế toán.
- Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết do không thu thập được thông tin đáng tin cậy về giá các loại chứng khoán này tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính và không có quy định cụ thể làm căn cứ pháp lý để trích lập dự phòng đối với các loại chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản đã tính trước vào chi phí kinh doanh của Công ty trong kỳ, nhưng chưa thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như khoản lãi vay phải trả đối với các hợp đồng vay vốn, lãi trái phiếu phát hành chưa chi trả. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Vay ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 là khoản vay của từ ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, với thời hạn vay từ 8 tháng đến 12 tháng, nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khoản vay dài hạn chính là giá trị trái phiếu 470.000.000.000 đồng, phát hành ngày 13/04/2011 với thời gian đáo hạn là 03 năm, lãi suất điều chỉnh hàng năm theo mức lãi suất của tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Hàng Hải, mục đích là bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm 30/06/2012, lãi suất đang áp dụng đối với trái phiếu này là 12%/năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu: Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông đóng góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng lên giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu và tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là số lãi (lỗ) lũy kế từ các hoạt động kinh doanh của Công ty đến thời điểm báo cáo.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu trong kỳ tài chính được ghi nhận đầy đủ theo đúng chuẩn mực kế toán số 14 "Doanh thu và thu nhập khác". Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán; Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn; Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán; Doanh thu hoạt động tư vấn; Doanh thu lưu ký chứng khoán; Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản và Doanh thu khác. Phương pháp xác định như sau:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu này được xác định vào cuối mỗi ngày;
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn là khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của Công ty (được ghi nhận khi khớp lệnh thành công đối với cổ phiếu niêm yết và chuyển quyền sở hữu cổ phần cho người mua đối với cổ phiếu chưa niêm yết), thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu;
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định khi thực hiện quyết toán với tổ chức phát hành hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn là số phí Công ty được hưởng từ việc tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhà đầu tư và tư vấn khác của Công ty đã thực hiện trong kỳ tài chính;
- Doanh thu lưu ký chứng khoán là số phí Công ty được hưởng từ các hoạt động lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư.
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản là khoản tiền thu được từ hoạt động cho thuê nhà của Công ty;
- Doanh thu khác bao gồm: lãi tiền gửi, tiền lãi các hoạt động đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Giá trị gia tăng và thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 10/8/2006 sửa đổi bổ sung thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính, Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các nghĩa vụ về thuế của Công ty như sau:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN): 25%

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan:

Các bên được coi là các bên liên quan đến Công ty khi các bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- V Thông tin bổ sung cho khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán
Các chỉ tiêu dưới đây được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VNĐ)

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền mặt	-	1.974
Tiền gửi ngân hàng	29.932.763.378	29.565.442.023
Trong đó:		
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	18.868.185.437	12.713.650.362
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	10.039.494.190	25.335.132
Tổng cộng	39.972.257.568	29.590.779.129

2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	KL giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị KLGD thực hiện trong năm
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	36.867.920	136.116.877.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	122.993.520	2.085.784.569.000
- Trái phiếu	200.000	14.000.000.000
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	160.061.440	2.235.901.446.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V Thông tin bổ sung cho khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

3 Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng CK		Giá trị theo số kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Giảm	Cuối kỳ	Đầu kỳ
A. Đầu tư ngắn hạn	11.592.235	995.480	124.536.688.573	668.478.480.549	36.093.226.600	-	711.600	5.133.614.549	160.629.203.573	663.344.866.000
I. Chứng khoán thương mại	11.592.235	995.480	124.536.688.573	23.627.496.549	36.093.226.600	-	711.600	5.133.614.549	160.629.203.573	18.493.882.000
Cổ phiếu niêm yết	11.190.559	971.480	120.573.488.200	22.730.120.549	36.093.226.600	-	711.600	5.133.614.549	156.666.003.200	17.596.506.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	401.676	24.000	3.963.200.373	897.376.000	-	-	-	-	3.963.200.373	897.376.000
Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Đầu tư tài chính khác	-	-	-	644.850.984.000	-	-	-	-	-	644.850.984.000
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	-	644.850.984.000	-	-	-	-	-	644.850.984.000
B. Đầu tư dài hạn	21.118.462	32.893.221	174.797.986.149	281.150.545.971	-	-	-	-	174.797.986.149	281.150.545.971
I. Chứng khoán đầu tư	20.894.962	32.669.721	172.562.986.149	278.915.545.971	-	-	-	-	172.562.986.149	278.915.545.971
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	20.894.962	32.669.721	172.562.986.149	278.915.545.971	-	-	-	-	172.562.986.149	278.915.545.971
Cổ phiếu chưa niêm yết	20.894.962	32.669.721	172.562.986.149	278.915.545.971	-	-	-	-	172.562.986.149	278.915.545.971
2. Đầu tư dài hạn khác	223.500	223.500	2.235.000.000	2.235.000.000	-	-	-	-	2.235.000.000	2.235.000.000
Góp vốn vào Công ty Mecash	223.500	223.500	2.235.000.000	2.235.000.000	-	-	-	-	2.235.000.000	2.235.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK

ĐC: Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Mẫu số B 09 - CTCK

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính
từ 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V Thông tin bổ sung cho khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

4 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	8.445.940.323	-	62.810.000	8.508.750.323
- Mua trong năm	-	72.390.000	-	-	72.390.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	8.518.330.323	-	62.810.000	8.581.140.323
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	4.761.915.211	-	8.138.167	4.770.053.378
- Khấu hao trong năm	-	947.474.462	-	6.220.976	953.695.438
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	5.709.389.673	-	14.359.143	5.723.748.816
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	3.684.025.112	-	54.671.833	3.738.696.945
Tại ngày cuối năm	-	2.808.940.650	-	48.450.857	2.857.391.507

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MARITIME BANK

ĐC: Tầng 1&3, Tòa nhà Sky City, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Mẫu số B 09 - CTCK

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính

từ 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V Thông tin bổ sung cho khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

5 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	-	-	3.015.268.553	3.015.268.553
- Mua trong năm	-	-	-	158.000.000	158.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	3.173.268.553	3.173.268.553
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	-	744.442.918	744.442.918
- Khấu hao trong năm	-	-	-	333.419.496	333.419.496
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	1.077.862.414	1.077.862.414
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	-	2.270.825.635	2.270.825.635
Tại ngày cuối năm	-	-	-	2.095.406.139	2.095.406.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V Thông tin bổ sung cho khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

6 Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Giá trị còn lại của CCDC xuất dùng	294.876.267	442.556.893
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	425.095.154	850.190.309
Tổng cộng	719.971.421	1.292.747.202

7 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Kỳ này	Năm trước
Tiền nộp ban đầu	302.261.074	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	9.102.839	180.502.560
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	28.139.618	1.758.514
Số cuối kỳ	339.503.531	302.261.074

8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế GTGT	1.512.854	62.837.362
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	235.411.606	103.238.442
Tổng cộng	236.924.460	166.075.804

9 Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Lãi vay phải trả	34.114.534.267	12.136.968.333
Lãi trái phiếu phải trả	10.616.666.667	46.017.222.222
Tổng cộng	44.731.200.934	58.154.190.555

10 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	36.995.603	39.125.831
Bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp	49.493.992	43.905.606
Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.959.654	1.118.499.221
Tổng cộng	164.449.249	1.201.530.658

11 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả sở giao dịch chứng khoán	-	-
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	28.204.878.175	12.966.076.322
- Phải trả nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán	28.204.878.175	12.966.076.322
- Phải trả khác	-	-
Tổng cộng	28.204.878.175	12.966.076.322

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

12 Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ		Số cuối kỳ		DP đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	
A	1	2	3	4	5	6	9
1. Phải thu của khách hàng	80.000.000	25.000.000	25.000.000	343.382.000	378.128.000	45.254.000	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch ch ứng khoán	274.064.146.021	-	-	843.602.358.358	1.117.264.551.125	401.953.254	-
- Phải thu của sở (Trung tâm) GDCK	-	-	-	6.293.487.000	6.293.487.000	-	-
- Phải thu của khách hàng về GDCK (*)	273.895.719.021	-	-	837.308.871.358	1.110.802.637.125	401.953.254	-
- Phải thu tổ chức phát hành chứng khoán	168.427.000	-	-	-	168.427.000	-	-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	37.336.149	-	-	66.631.173	103.967.322	-	-
4. Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-	-
5. Phải thu khác	169.803.808.108	13.164.611	13.164.611	1.392.602.426.821	604.303.997.824	958.102.237.105	-
- Trả trước tiền cho người bán	79.310.000	-	-	95.765.000	121.710.000	53.365.000	-
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.420.745.286	-	-	476.192.813	1.141.689.737	755.248.362	-
- Phải thu khác (**)	168.303.752.822	13.164.611	13.164.611	1.392.030.469.008	603.040.598.087	957.293.623.743	-

(*) Các khoản phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán tại ngày 30/06/2012 là các khoản phải thu về tiền bán chứng khoán

(**) Chỉ tiết khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2012:

	Số tiền
Phải thu về lãi đầu tư	29.138.906.375
Phải thu từ hợp đồng mua bán cổ phiếu có kỳ hạn	89.995.500.917
Phải thu khách hàng về hỗ trợ giao dịch chứng khoán	402.925.323.575
Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	205.270.000.000
Phải thu đặt cọc tiền mua chứng khoán	229.825.993.782
Phải thu khác	137.899.093
Cộng	957.293.623.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

13 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.521.141.052
Các khoản điều chỉnh giảm lợi thu nhập chịu thuế	5.859.153.354
- Cổ tức được chia	2.283.001.151
- Chuyển lỗ kỳ trước	3.576.152.203
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	2.661.987.698
Thuế suất thuế TNDN	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	665.496.925

14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.855.644.128
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	7.855.644.128
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	262

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

15 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 30/06/2012

	Số vốn góp	Tỷ lệ sở hữu
Ông Phạm Văn Cư	52.727.500.000	17,58%
Ông Nguyễn Thế Minh	54.000.000.000	18,00%
Bà Nguyễn Thị Minh Lệ	20.457.500.000	6,82%
Bà Nguyễn Thu Trang	26.302.500.000	8,77%
Ông Nguyễn Ngọc Giang	26.386.000.000	8,80%
Công ty CP Quản lý quỹ Tín Phát	23.887.500.000	7,96%
Các cổ đông khác	96.239.000.000	32,08%
Cộng	300.000.000.000	100%

16 Chi tiết các khoản phân phối lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2012

	Số tiền
Trích lập quỹ khen thưởng	206.870.000
Trích lập quỹ phúc lợi	206.870.000
Trích quỹ dự phòng rủi ro tài chính	1.034.000.000
Trích quỹ dự trữ theo điều lệ của công ty	1.034.000.000
Cộng	2.481.740.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VIII Những thông tin khác

1 Thông tin so sánh

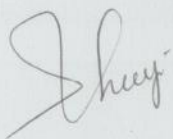
Số liệu dùng để so sánh trên Bảng Cân đối kế toán là số liệu được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2011 được lập bởi Công ty Cổ phần chứng khoán Maritime Bank.

2 Tính hoạt động liên tục của Công ty

Trong kỳ tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

Quyền Tổng Giám đốc



Trần Quý Hải